

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HS-ST

Ngày: 06-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2022/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Th sinh ngày 07- 11- 1988 tại xã H, huyện V, tỉnh T; nơi cư trú: Xóm Đ, xã G1, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Phạm Thị V; có vợ là Trần Thị S (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 08- 4- 2022 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Giao Th, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành C về hành vi Trộm cắp tài sản; nhân thân:

- Ngày 28- 02- 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 08- 02- 2018 bị Công an xã Giao An, huyện Giao Thủy xử phạt vi phạm hành C về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 17- 4- 2018 bị Công an xã Giao Th, huyện Giao Thủy xử phạt vi phạm hành C về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 05- 11- 2018 bị Công an xã Giao An, huyện Giao Thủy xử phạt vi phạm hành C về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 31- 01- 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28- 5- 2022 đến nay; “có mặt”.

2. Trịnh Văn C sinh ngày 30- 01- 1989 tại huyện G, tỉnh Nam Đ; nơi cư trú: Xóm A, xã G2, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Vũ Đ1 và bà Vũ Thị M; từng chung sống như vợ chồng với chị Đinh Thị L và 01 con; tiền án: Ngày 25- 4- 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, ra trại ngày 12- 12- 2012; tiền sự: Ngày 08- 4- 2022 bị Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy xử phạt vi phạm hành C về hành vi “Đốt pháo trái phép”; nhân thân:

- Ngày 26- 3- 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 14- 5- 2015;

- Ngày 22- 6- 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xử phạt 39 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 20- 3- 2020.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 28- 5- 2022 đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Chị Trần Thị H; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm T1, xã G3, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Anh Trịnh Văn Đ2 và anh Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23- 4- 2022, Nguyễn Văn Th một mình điều khiển xe đạp đến cửa hàng tạp hóa của nhà ông Trần Văn Đ3 tại xóm TX, xã G1, huyện G, tỉnh N mua thuốc lá. Lúc này, tại gian bán hàng không có người, Th đi vào phòng khách nhà ông Đ3 thấy trên mặt loa thùng đặt tại phòng khách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR của chị Trần Thị H (là con gái ông Đ3). Quan sát không có người trông coi, Th đã trộm cắp chiếc điện thoại trên và đi về nhà. Sau đó, Th đi bộ đến nhà Trịnh Văn C ở xóm A, xã G2, huyện G, tỉnh N đưa điện thoại của chị H cho C xem. Th bảo C là điện thoại vừa trộm cắp được và rủ C đi bán điện thoại. C đồng ý và lấy xe máy của mình chở Th đến cửa hàng điện thoại di động ĐC của anh Trần Văn Đ2 ở xóm A, xã G2 bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Đ2 với giá 1.300.000 đồng. Số tiền bán điện thoại Th và C cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng chung hết 200.000 đồng, Th đưa cho C 50.000 đồng, còn lại 1.050.000 đồng một mình Th sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi Th đi khỏi cửa hàng tạp hóa nhà ông Đ3, chị H phát hiện mất điện thoại và đã trình báo vụ việc đến đồn Biên phòng Ba Lạt - Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định. Đồn Biên phòng Ba Lạt đã triệu tập Nguyễn Văn Th và Trịnh Văn C lên để làm việc đồng thời thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone XR, màu đen; 01 file dữ liệu định dạng MP4 trích xuất từ camera giám sát cửa hàng điện thoại Định Công do anh Trần Văn Đ2 giao nộp.

Ngày 26- 4- 2022, đồn Biên phòng Ba Lạt đã bàn giao hồ sơ, vật chứng đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 29- 4- 2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Giao Thủy đã tiến hành định giá đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, màu đen đã thu giữ, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số IMEI: 325884112367611, tình trạng đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, khi hoạt động trên màn hình điện thoại có 01 vết chấm nhỏ màu trắng, giá trị trên thị trường thời điểm tài sản bị chiếm đoạt của chiếc điện thoại là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 20- 7- 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Trịnh Văn C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Trịnh Văn C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 23- 4- 2022, Nguyễn Văn Th đến cửa hàng tạp hóa của nhà ông Trần Văn Đ3 ở xóm TX, xã G1, huyện G, tỉnh N lợi dụng lúc cửa hàng không có người trông coi, Th lén lút trộm cắp chiếc điện thoại Iphone XR trị giá 5.500.000 đồng của chị Trần Thị H (con gái của ông Đ3). Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại, Th đem đến nhà Trịnh Văn C nói với C là điện thoại trộm cắp được rồi cả hai cùng đi bán. Các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do đó hành vi của bị cáo Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố bị cáo Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là những đối tượng nhiều lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đã bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự và xử lý vi phạm hành C, đến nay đã được xóa án tích nên là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Trịnh Văn C đã bị kết án về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt C: Căn cứ các quy định của pháp luật, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Điều 173 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền.....”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với anh Trần Văn Đ2 đã mua chiếc điện thoại Iphone XR từ Th và C, quá trình điều tra xác định khi mua điện thoại anh Đ2 không biết điện thoại là tài sản trộm cắp nên không đặt ra vấn đề xử lý đối với anh Đ2.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại Iphone XR đã thu giữ là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị H, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chị H, nay chị H không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền 1.300.000 đồng, anh Trần Văn Đ2 đã bỏ ra để mua điện thoại, anh Đ2 không yêu cầu Th và C phải hoàn trả nên không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28- 5- 2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trịnh Văn C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28- 5- 2022.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn Th và Trịnh Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- CQĐT Công an huyện Giao Thủy;
- CQ THAHS Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã G1, G2;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ